

QUYẾT ĐỊNH

Về việc ban hành chương trình đào tạo (điều chỉnh)

HIỆU TRƯỞNG TRƯỜNG ĐẠI HỌC KHOA HỌC XÃ HỘI VÀ NHÂN VĂN

Căn cứ Nghị định số 186/2013/NĐ-CP ngày 17 tháng 11 năm 2013 của Chính phủ về Đại học Quốc gia;

Căn cứ Quyết định số 26/2014/QĐ-TTg ngày 26 tháng 03 năm 2014 của Thủ tướng Chính phủ về Quy chế tổ chức và hoạt động của Đại học Quốc gia và các cơ sở giáo dục đại học thành viên;

Căn cứ Quyết định số 510/QĐ-XHNV ngày 05 ngày 03 tháng 2015 của Hiệu trưởng Trường Đại học Khoa học Xã hội và Nhân văn, Đại học Quốc gia Hà Nội ban hành Quy định về tổ chức và hoạt động của Trường Đại học Khoa học Xã hội và Nhân văn;

Căn cứ Thông tư số 17/2021/TT-BGDĐT ngày 22 tháng 06 năm 2021 của Bộ Giáo dục và Đào tạo Quy định về chuẩn chương trình đào tạo, xây dựng, thẩm định và ban hành chương trình đào tạo các trình độ của giáo dục đại học;

Căn cứ Quyết định số 3636/QĐ-ĐHQGHN ngày 21 tháng 10 năm 2022 của Giám đốc Đại học Quốc gia Hà Nội ban hành Quy chế đào tạo thạc sĩ tại Đại học Quốc gia Hà Nội;

Căn cứ Quyết định số 4555/QĐ-ĐHQGHN ngày 22 tháng 12 năm 2022 của Giám đốc Đại học Quốc gia Hà Nội ban hành Quy định về mở ngành và điều chỉnh chương trình đào tạo tại Đại học Quốc gia Hà Nội;

Căn cứ Hướng dẫn số 1144/HD-ĐHQGHN ngày 03 tháng 04 năm 2023 của Giám đốc Đại học Quốc gia Hà Nội về việc Điều chỉnh, cập nhật chương trình đào tạo tại Đại học Quốc gia Hà Nội;

Căn cứ Quyết định số 1855/QĐ-ĐHQGHN ngày 30 tháng 05 năm 2023 của Giám đốc Đại học Quốc gia Hà Nội về việc Ủy quyền kí điều chỉnh, cập nhật chương trình đào tạo tại Đại học Quốc gia Hà Nội (năm 2023);

Theo đề nghị của Trưởng phòng Đào tạo.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này chương trình đào tạo trình độ thạc sĩ ngành Khoa học quản lý, mã số ngành: 8340401.

Điều 2. Chương trình đào tạo trình độ thạc sĩ ngành Khoa học quản lý ban hành kèm theo Quyết định này được áp dụng cho học viên từ khóa tuyển sinh năm 2022 của Trường Đại học Khoa học Xã hội và Nhân văn, Đại học Quốc gia Hà Nội.

Điều 3. Trưởng phòng Đào tạo, Trưởng phòng Tổ chức – Cán bộ, Trưởng phòng Kế hoạch – Tài chính, Trưởng khoa Khoa học quản lý và các đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- ĐHQGHN (để báo cáo);
- Lưu: VT, ĐT.

HIỆU TRƯỞNG

GS.TS Hoàng Anh Tuấn

CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO TRÌNH ĐỘ THẠC SĨ

ĐỊNH HƯỚNG: NGHIÊN CỨU
NGÀNH: KHOA HỌC QUẢN LÝ
MÃ SỐ : 8340401

(Ban hành kèm theo Quyết định số 2874 /QĐ-XHNV ngày 10 tháng 8 năm 2023 của Hiệu trưởng Trường Đại học Khoa học Xã hội và Nhân văn)

PHẦN I: GIỚI THIỆU CHUNG VỀ CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

1. Một số thông tin về chương trình đào tạo

- Tên ngành đào tạo:

- + Tiếng Việt: Khoa học quản lý
- + Tiếng Anh: Management Science

- Mã số ngành đào tạo: 8340401

- Ngôn ngữ đào tạo: Tiếng Việt

- Trình độ đào tạo: Thạc sĩ

- Thời gian đào tạo: 2 năm

- Tên văn bằng sau tốt nghiệp:

- + Tiếng Việt: Thạc sĩ Khoa học quản lý
- + Tiếng Anh: The Degree of Master in Management Science

2. Mục tiêu của chương trình đào tạo

2.1. Mục tiêu chung

Chương trình Thạc sĩ Khoa học quản lý đào tạo nhà nghiên cứu, nhà tư vấn, nhà quản lý tác nghiệp có trình độ cao trong lĩnh vực quản lý có đủ năng lực đáp ứng những nhiệm vụ nghiên cứu và hoạt động tác nghiệp về chính sách và quản lý khu vực công và tư ở các cấp độ khác nhau.

2.2. Mục tiêu cụ thể

- Học viên được trang bị những kiến thức chuyên sâu thuộc lĩnh vực khoa học quản lý với các hướng: Chính sách công, Quản lý khoa học và công nghệ, Quản lý sở hữu

trí tuệ, Quản lý nguồn nhân lực, Văn hóa và Đạo đức quản lý, Quản lý cấp cơ sở và chính sách kinh tế – xã hội. Trên cơ sở đó học viên có khả năng vận dụng lý luận vào thực tiễn quản lý, tạo điều kiện thuận lợi để họ có thể đi sâu nghiên cứu, giải quyết các vấn đề lý luận hoặc thực tiễn thuộc các lĩnh vực riêng biệt hoặc mang tính chất liên ngành.

- Hoàn thành chương trình học này, Thạc sĩ Khoa học quản lý có năng lực tiếp nhận, làm chủ tri thức khoa học quản lý, khoa học và công nghệ hiện đại, giải quyết nhanh và hiệu quả các vấn đề của thực tiễn quản lý; có năng lực sáng tạo, phân tích và đánh giá chính sách quản lý; có năng lực thích ứng nhanh và hợp lý trước những biến đổi của môi trường quản lý; có năng lực tổ chức, có năng lực quản lý và phát huy hiệu suất các nguồn lực của tổ chức. Thạc sĩ Khoa học quản lý có thể đáp ứng được yêu cầu của các vị trí công tác quản lý trong các cơ quan, đơn vị sự nghiệp, các tổ chức, doanh nghiệp thuộc các thành phần kinh tế khác nhau; làm nguồn để tuyển chọn vào các vị trí quản lý cao hơn hoặc tiếp tục tham gia các chương trình đào tạo ở bậc tiến sĩ.

- Kết thúc chương trình học, học viên có khả năng làm việc độc lập, sáng tạo, có năng lực phát hiện, giải quyết các vấn đề nghiên cứu thuộc lĩnh vực khoa học quản lý.

3. Thông tin tuyển sinh

3.1. Hình thức tuyển sinh: Xét tuyển theo quy định của Đại học Quốc gia Hà Nội (ĐHQGHN).

3.2. Đối tượng dự tuyển

3.2.1. Về văn bằng

- Đã tốt nghiệp đại học (hoặc trình độ tương đương trở lên) ngành phù hợp tốt nghiệp từ hạng khá trở lên hoặc có công bố khoa học liên quan đến lĩnh vực sẽ học tập, nghiên cứu. Trường hợp thí sinh phải học bổ sung kiến thức thì cần hoàn thành trước khi đăng kí dự tuyển và cần có 1 năm kinh nghiệm trong lĩnh vực đăng kí dự tuyển tính từ này kí quyết định công nhận tốt nghiệp đại học đến ngày dự tuyển.

- Văn bằng đại học do cơ sở giáo dục nước ngoài cấp phải thực hiện thủ tục công nhận văn bằng theo quy định hiện hành của nước Cộng hoà Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam.

3.2.2. Về năng lực ngoại ngữ

- Có năng lực ngoại ngữ từ bậc 3 trở lên theo Khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam. Năng lực ngoại ngữ được minh chứng bằng một trong các loại văn bằng, chứng chỉ sau:

+ Bằng tốt nghiệp trình độ đại học trở lên ngành Ngôn ngữ tiếng nước ngoài; hoặc bằng tốt nghiệp trình độ đại học trở lên mà chương trình được thực hiện chủ yếu bằng

ngôn ngữ nước ngoài;

+ Bằng tốt nghiệp trình độ đại học trở lên do ĐHQGHN cấp trong thời gian không quá 02 năm mà chuẩn đầu ra của chương trình đã đáp ứng yêu cầu trình độ Bậc 3 trở lên theo Khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam;

+ Chứng chỉ ngoại ngữ tương đương Bậc 3 trở lên theo Khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam, hoặc tương đương trong thời hạn 2 năm kể từ ngày thi chứng chỉ ngoại ngữ đến ngày đăng ký dự thi thạc sĩ được cấp bởi các cơ sở được Bộ Giáo dục và Đào tạo và ĐHQGHN công nhận.

- Ứng viên dự tuyển là công dân nước ngoài phải đạt trình độ tiếng Việt từ bậc 4 trở lên theo Khung năng lực tiếng Việt dùng cho người nước ngoài hoặc đã tốt nghiệp đại học (hoặc trình độ tương đương trở lên) mà chương trình đào tạo được giảng dạy bằng tiếng Việt; đáp ứng yêu cầu về ngoại ngữ thứ 2 theo yêu cầu của chương trình đào tạo (nếu có).

3.2.3. Điều kiện khác

- Có lý lịch bản thân rõ ràng, hiện không bị truy cứu trách nhiệm hình sự.
- Có đủ sức khỏe để học tập.
- Đáp ứng các yêu cầu khác của ĐHQGHN.

3.3. Danh mục ngành phù hợp và học phần bổ sung kiến thức

- Ngành phù hợp 1: các ngành thuộc cùng nhóm ngành với ngành Khoa học quản lý.

- Ngành phù hợp 2:

+ Ngành trong nhóm ngành: Khoa học chính trị, Xã hội và nhân học, Công tác xã hội.

+ Ngành: Quan hệ lao động, Quản lý dự án, Quản lý tài nguyên và môi trường; Chính trị học, Quản trị khách sạn, quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành, Quản lý văn hóa, Quản lý giáo dục, Quản trị kinh doanh, Quản lý nhà nước, Quản lý công nghiệp, Quản lý tài nguyên rừng, Quản lý thông tin, Các ngành khác có liên quan đến lĩnh vực quản lý, quản trị.

- Ngành phù hợp 3: Tất cả các ngành còn lại.

3.3.2. Danh mục học phần bổ sung kiến thức

Danh mục học phần bổ sung kiến thức với đối tượng ngành phù hợp 2

STT	Tên học phần	Số tín chỉ
1	Khoa học quản lý đại cương	3
2	Khoa học chính sách	3
3	Lịch sử tư tưởng quản lý	3
4	Quản lý nguồn nhân lực	3
TỔNG		12

Danh mục học phần bổ sung kiến thức với đối tượng ngành phù hợp 3

STT	Tên học phần	Số tín chỉ
1	Khoa học quản lý đại cương	3
2	Khoa học chính sách	3
3	Lịch sử tư tưởng quản lý	3
4	Quản lý nguồn nhân lực	3
5	Văn hoá và đạo đức quản lý	3
TỔNG		15

3.4. Dự kiến quy mô tuyển sinh:

- Theo chỉ tiêu được ĐHQGHN cấp hàng năm (dự kiến 30 học viên/ 1 năm).
- Kế hoạch tuyển sinh chi tiết thực hiện theo Quy chế tuyển sinh, hướng dẫn tuyển sinh sau đại học hàng năm của ĐHQGHN, và đề án tuyển sinh của Trường Đại học Khoa học Xã hội và Nhân văn được ĐHQGHN phê duyệt (nếu có).

PHẦN II: CHUẨN ĐẦU RA CỦA CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

1. Chuẩn đầu ra về kiến thức

1.1. Kiến thức chung

PLO 1. Phân tích thế giới quan và phương pháp luận của triết học Mác – Lênin vào nhận thức và nghiên cứu các vấn đề trong lĩnh vực chuyên môn và hoạt động thực tiễn của người học.

1.2. Kiến thức cơ sở và chuyên ngành

PLO 2. Phân tích, đánh giá phương pháp luận nghiên cứu Khoa học quản lý và phương pháp nghiên cứu liên ngành.

PLO 3. Đánh giá một cách khách quan các lý thuyết về khoa học quản lý, các mô hình quản lý trong các lĩnh vực Chính sách công, Quản lý Khoa học và Công nghệ, Quản lý Sở hữu trí tuệ, Quản lý nguồn nhân lực, Văn hóa và Đạo đức quản lý, Quản lý cấp cơ sở và chính sách kinh tế – xã hội.

PLO4. Có kiến thức thực tế và lý thuyết chuyên sâu, rộng về lĩnh vực chính sách và quản lý, cũng như chuyên ngành đào tạo khoa học quản lý

1.3 Yêu cầu chuyên đề nghiên cứu khoa học

Các học phần cung cấp cho người học kiến thức, kỹ năng cần thiết để xây dựng tổng quan vấn đề nghiên cứu, phương pháp thiết kế nghiên cứu, phương pháp xử lý thông tin trong nghiên cứu khoa học (định tính, định lượng), đặc biệt là các phương pháp xử lý của lĩnh vực khoa học xã hội và nhân văn trên cơ sở áp dụng/ứng dụng các lĩnh vực khoa học tự nhiên, kinh tế... Trên cơ sở đó, các học phần phục vụ trực tiếp cho nội dung luận văn, luận án, đồ án tốt nghiệp...

PLO 5. Vận dụng được phương pháp, cách tiếp cận, kỹ năng phục vụ trực tiếp cho luận văn thạc sĩ, cũng như trong công việc của mình.

1.4. Yêu cầu đối với luận văn

- Đề tài luận văn là một vấn đề về khoa học quản lý cụ thể do người hướng dẫn đề nghị và được Khoa và bộ môn thông qua, được thủ trưởng đơn vị đào tạo ra quyết định giao đề tài và người hướng dẫn. Đề tài luận văn phải được giao cho học viên ít nhất là 6 tháng trước khi hết thời hạn đào tạo.

- Học viên cao học phải trình bày nội dung, kế hoạch nghiên cứu đề tài luận văn trước đơn vị chuyên môn chậm nhất 1 tháng sau khi nhận đề tài luận văn và báo cáo kết quả nghiên cứu ít nhất 1 lần trong thời gian thực hiện luận văn. Kết quả đánh giá báo cáo là điều kiện để xem xét việc đề nghị cho bảo vệ luận văn.

- Kết quả nghiên cứu trong luận văn phải là kết quả lao động của chính tác giả thu được chủ yếu trong thời gian học, chưa được công bố trong bất cứ một công trình nghiên cứu nào của người khác. Nếu sử dụng kết quả, tài liệu của người khác (trích dẫn bảng, biểu, công thức, đồ thị cùng những tài liệu khác) thì phải trích dẫn tường minh.

- Thể hiện được hiểu biết sâu sắc về kiến thức và phương pháp nghiên cứu chuyên ngành Khoa học quản lý trong việc giải quyết đề tài nghiên cứu cụ thể.

- Kết quả luận văn có giá trị đối với lĩnh vực khoa học quản lý về lý thuyết khoa học cũng như thực tiễn quản lý, tạo dựng các giá trị bền vững thông qua hoạt động của người học.

2. Chuẩn đầu ra về kỹ năng

2.1. Kỹ năng chuyên môn

PLO 6. Kỹ năng phân tích, đánh giá và đưa ra được chính kiến của mình về phương pháp, nguyên tắc và nhiệm vụ khả thi trong quản lý tại các tổ chức công và tư.

PLO 7. Có kỹ năng lập kế hoạch, tổ chức thực hiện, chỉ đạo và kiểm tra, giám sát thực hiện các nhiệm vụ quản lý trong các lĩnh vực Chính sách công, Quản lý Khoa học và Công nghệ, Quản lý Sở hữu trí tuệ, Quản lý nguồn nhân lực, Văn hóa và Đạo đức quản lý, Quản lý cấp cơ sở và chính sách kinh tế - xã hội.

PLO 8. Có kỹ năng phát hiện vấn đề, phân tích và đề xuất giải pháp trong lĩnh vực quản lý tại các tổ chức công và tư.

2.2. Kỹ năng khác

PLO 9. Có kỹ năng vận dụng, tổ chức nhóm làm việc trong xây dựng kế hoạch, tổ chức thực hiện, giám sát và kiểm tra; giải quyết xung đột, tạo đồng thuận trong tổ chức.

PLO 10. Có kỹ năng truyền đạt thông tin, tạo được sự thu hút thông qua kỹ năng thuyết phục và đàm phán.

PLO 11. Có trình độ ngoại ngữ tương đương bậc 4 của Khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam trong công tác chuyên môn, nghiên cứu và tiếp cận thông tin quản lý.

3. Chuẩn đầu ra về mức tự chủ và trách nhiệm

PLO 12. Có tinh thần nâng cao kiến thức, trình độ và năng lực trong lĩnh vực khoa học quản lý để vận dụng góp phần xây dựng đất nước

PLO 13. Có thái độ khách quan, có tinh thần trách nhiệm, tác phong nghề nghiệp; tôn trọng các giá trị và chuẩn mực của xã hội.

PLO 14. Thích nghi, tự định hướng cho những người khác.

PLO 15. Có thái độ làm việc tích cực, chủ động, sáng tạo trong công tác quản lý khác nhau.

4. Vị trí việc làm mà người học có thể đảm nhận sau khi tốt nghiệp

Sau khi tốt nghiệp chương trình đào tạo bậc thạc sỹ chuyên ngành Khoa học quản lý, người học có đủ năng lực (kiến thức, kỹ năng và thái độ) thực hiện thành công công việc của nhiều vị trí quản lý khác nhau.

- Giảng dạy và nghiên cứu về quản lý trong các trường đại học, viện nghiên cứu, các bộ phận R&D trong các tổ chức công và tư.

- Làm công tác tham mưu trong các cơ quan hoạch định đường lối, chính sách của Đảng và Nhà nước.

- Thực hành tư vấn quản lý; các vị trí quản lý trong các lĩnh vực quản lý khoa học và công nghệ, quản lý sở hữu trí tuệ, chính sách công và quản lý cấp cơ sở và chính sách kinh tế - xã hội.

5. Khả năng học tập, nâng cao trình độ sau khi tốt nghiệp

Sau khi tốt nghiệp, thạc sỹ Khoa học quản lý có khả năng:

- Tự tìm tòi, phát hiện, phân tích, giải quyết các vấn đề phát sinh trong thực tiễn quản lý.

- Tự học tập, nghiên cứu về các vấn đề lý luận và thực tiễn về quản lý.

- Có đủ điều kiện và khả năng theo học trình độ tiến sĩ ở Việt Nam và nước ngoài.

PHẦN III: NỘI DUNG CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

1. Tóm tắt yêu cầu chương trình đào tạo

Tổng số tín chỉ phải tích lũy:	62 tín chỉ
- Khối kiến thức chung:	09 tín chỉ
- Khối kiến thức cơ sở và chuyên ngành:	26 tín chỉ
+ Bắt buộc:	17 tín chỉ
+ Tự chọn:	09 tín chỉ/ 21 tín chỉ
- Nghiên cứu khoa học:	27 tín chỉ
+ Chuyên đề nghiên cứu khoa học:	12 tín chỉ
+ Luận văn thạc sĩ:	15 tín chỉ

2. Khung chương trình đào tạo

STT	Mã số học phần	Tên học phần	Số tín chỉ	Số giờ học tập			Mã số học phần tiên quyết
				Lí thuyết ¹	Thực hành ²	Tự học ³	
I	Khối kiến thức chung		9				
1	PHI5002	Triết học <i>Philosophy</i>	4	55	10	135	
2	Ngoại ngữ* (chọn một trong các ngoại ngữ sau)						
	ENG5001	Tiếng Anh B2 <i>English B2</i>	5	250	0	0	
	RUS5001	Tiếng Nga <i>Russian B2</i>	5	250	0	0	
	CHI5001	Tiếng Trung <i>Chinese B2</i>	5	250	0	0	
	WES5001	Tiếng Đức <i>German B2</i>	5	250	0	0	
	FRE5001	Tiếng Pháp <i>French B2</i>	5	250	0	0	
II	Khối kiến thức cơ sở ngành và chuyên ngành		26				
II.1	Các học phần bắt buộc		17				
3	MNS6140	Phương pháp nghiên cứu trong khoa học quản lý <i>Research Methods in Management Science</i>	3	45	0	105	

* Số tín chỉ của học phần ngoại ngữ B2 được tính vào tổng số tín chỉ của chương trình đào tạo nhưng không tính vào điểm trung bình chung tích lũy

STT	Mã số học phần	Tên học phần	Số tín chỉ	Số giờ học tập			Mã số học phần tiên quyết
				Lí thuyết ¹	Thực hành ²	Tự học ³	
4	MNS6043	Phân tích và hoạch định chính sách <i>Policy Making and Analysis</i>	3	45	0	105	
5	MNS6067	Quản lý đổi mới <i>Innovation Management</i>	2	30	0	70	
6	MNS6075	Quản lý hành vi tổ chức <i>Management of organizational behavior</i>	3	45	0	105	
7	MNS6205	Văn hóa quản lý <i>Culture Management</i>	3	45	0	105	
8	MNS6059	Quản lý sở hữu trí tuệ <i>Intellectual Property Management</i>	3	45	0	105	
II.2	Các học phần tự chọn		9/21				
9	MNS6204	Thể chế và phát triển <i>Institutions and Development</i>	2	30	0	70	
10	MNS6203	Hiệu ứng đám đông và quản lý <i>Crowd effect and management</i>	2	30	0	70	
11	MNS6046	Quản lý tổ chức <i>Organization Management</i>	2	30	0	70	
12	MNS6153	Kỹ năng thiết kế và xây dựng dự án trong quản lý <i>Project Design and Building Skill in Management</i>	3	45	0	105	
13	MNS6069	Quản lý quan hệ lao động <i>Labour relation Management</i>	2	30	0	70	
14	MNS6073	Quản lý biển, đảo <i>Sea and islands management</i>	2	30	0	70	
15	MNS6074	Quản lý và phát triển đô thị ở Việt Nam <i>Urban Management and Development in Vietnam</i>	3	45	0	105	
15	MNS6151	Phản biện xã hội <i>Social Criticism</i>	3	45	0	105	
16	MNS6063	Thông tin phục vụ lãnh đạo <i>Information for Leader</i>	2	30	0	70	
III	Nghiên cứu khoa học		27				
III.1	Chuyên đề nghiên cứu		12				
III.1.1	Các chuyên đề bắt buộc		8				
17	SSH6001	Các tiếp cận và phương pháp	4	30	15	155	

STT	Mã số học phần	Tên học phần	Số tín chỉ	Số giờ học tập			Mã số học phần tiên quyết
				Lí thuyết ¹	Thực hành ²	Tự học ³	
		nghiên cứu trong khoa học xã hội và nhân văn <i>The Approaches and Research methods of Social Sciences and Humanities</i>					
18	SSH6002	Các trường phái trong khoa học xã hội và nhân văn <i>The Schools in Social Sciences and Humanities</i>	4	30	15	155	
III.1.2	Các chuyên đề tự chọn		4/12				
19	MNS6209	Phương pháp xây dựng tổng quan vấn đề nghiên cứu <i>Methods of Research Problems Building</i>	4	30	15	155	
20	MNS6210	Thiết kế nghiên cứu <i>Research Design</i>	4	30	15	155	
21	MNS6211	Xử lý thông tin trong nghiên cứu khoa học <i>Information Processing in Scientific Research</i>	4	30	15	155	
III.2	Luận văn thạc sĩ		15				
22	MNS7206	Luận văn thạc sĩ <i>Master Thesis</i>	15	0	30	720	
Tổng cộng			62				

Lưu ý: Một tín chỉ được tính tương đương 50 giờ học tập định mức của người học, bao gồm cả thời gian dự giờ giảng, giờ học có hướng dẫn, tự học, nghiên cứu, trải nghiệm và dự kiểm tra, đánh giá; đối với hoạt động dạy trên lớp, một tín chỉ yêu cầu thực hiện tối thiểu 15 giờ giảng hoặc 30 giờ thực hành, thí nghiệm, thảo luận trong đó một giờ trên lớp được tính bằng 50 phút.

(1): Lí thuyết

(2): Thực hành, Thí nghiệm, Thảo luận

(3): Thực tập, Nghiên cứu, Tự học có kiểm tra đánh giá